| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TRÙNG KHÁNH**<br>TỈNH CAO BẰNG | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày 25/7/2023
*V/v: Ly hôn.*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông La Văn Viên.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Văn Tâm và bà Nông Diệu Huế.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà La Thị Huệ – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Ngọc Tịch - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 113/2023/TLST-HNGĐ ngày 23/11/2022 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXX - HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-DS ngày 14/7/2023, giữa:

*1. Nguyên đơn:* Chị Mông Thị H, sinh năm 1985;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh C.

Chỗ ở hiện nay: Tập thể nhà trường Trường Trung học cơ sở Đ, huyện T, tỉnh C. Có mặt.

*2. Bị Đơn*: Anh Phương Trần Q, sinh năm 1985;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh C.

Hiện đang chấp hành án tại Đội A, phân trại số A1, Trại giam A2 – Cục A3 – Bộ Công an. Vắng mặt có lý do.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà: Đàm Thị N, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn T, huyện T, tỉnh C. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 08/11/2022 và bản tự khai ngày 19/12/2022 nguyên đơn Mông Thị H trình bày: Chị và anh Phương Trần Q kết hôn vào năm 2009 việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh C ngày 23/7/2010. Sau kết hôn, chị và anh Q tình cảm bình thường và hạnh phúc được thời gian đầu. Đến năm 2014, vợ chồng

bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Q có mối quan hệ không rõ ràng với một người phụ nữ khác nên khiến cho mối quan hệ tình cảm vợ chồng trở nên căng thẳng và rối rắm hơn. Năm 2015 vợ chồng đã sống ly thân sau đó bản thân hai bên có hòa giải nhưng không có kết quả, sau đó hai bên có thỏa thuận ly hôn nhưng chưa hoàn thành thủ tục thì anh Q bị bắt và đi chấp hành án đến nay. Hiện tại cả hai bên chúng tôi không còn tình cảm và không thực hiện nghĩa vụ qua lại giữa hai bên cá nhân và gia đình. Từ tháng 4/2016 đến nay sau khi anh Q bị bắt và đi chấp hành án chị và con sống một mình cho đến thời điểm hiện tại cá nhân chị mong muốn chấm dứt quan hệ vợ chồng.

Về con chung anh chị có một con chung là Phương Trần BA, sinh ngày 12/12/2010 hiện nay đang ở với chị. Do anh Q đang chấp hành án nên chị không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 01/02/2023 và biên bản lấy lời khai ngày 07/6/2023 bị đơn Phương Trần Q xác nhận các vấn đề về tình cảm, con cái, như chị H trình bày là đúng. Về tài sản số tiền 1.800.000.000 đồng của hai vợ chồng cất trong két sắt tại nhà riêng thì sau khi bị bắt anh Q có gọi điện thoại từ bốt điện thoại trong trại giam thì được chị H cho biết là đã gửi lên bà ngoại (tức bà N mẹ vợ của anh Q) chứ anh không trực tiếp hỏi và nói chuyện bà H về số tiền trên. Còn mảnh đất mua năm 2016 mà vợ chồng anh nhờ mẹ vợ là bà Đàm Thị H đứng tên trong bìa đỏ có giá trị 800.000.000 đồng chứ không phải bà H nhận số tiền 400.000.000 đồng để đi mua đất. Nên anh thấy lời khai của bà H là hoàn toàn không hợp lý và chưa chính xác.

Về tài sản anh nhất trí tách ra trong vụ án này, để giải quyết sau.

Về việc ly hôn thì anh Q đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H, đồng thời anh QH có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 22/5/2023 bà Đàm Thị N trình bày: bà là mẹ đẻ Mông Thị H là mẹ vợ Phương Trần Q. Việc chị H yêu cầu ly hôn anh Q bà không có ý kiến gì, do chị H quyết định. Bà xác nhận không được cất giữ giúp H hoặc Q một khoản tiền nào. Ngoài lần trước khi Q bị bắt, khoảng đầu năm 2015, bà có nhận một khoản tiền 400.000.000 đồng từ chị H để đi mua đất, sự việc này được bà cùng anh Q và chị H bàn bạc và trao đổi cùng đi đến thống nhất, mảnh đất đã mua từ năm 2016 và hiện nay bà đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ tên bà sang tên chị H.

Tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu Phương Trần BA trình bày: Cháu là con bố Phương Trần Q, mẹ Mông Thị H hiện nay cháu đang sống cùng mẹ. Nếu

bố mẹ cháu ly hôn không ở với nhau, cháu có nguyện vọng ở cùng mẹ vì mẹ cháu là thân duy nhất lo lắng và yêu thương cháu và hiện nay bố cháu đang chấp hành án phạt tù.

Tại phiên tòa: Chị H giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh Q, được nuôi con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Mông Thị H được ly hôn anh Phương Trần Q;

- Về con chung: Giao con chung Phương Trần BA sinh ngày 12/12/2010 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có Bản án, quyết định khác của Tòa án thay thế, không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh Q;

- Về tài sản chung, nợ chung: chị H không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí để sung quỹ Nhà nước.

- Về quyền kháng cáo: Chị H và anh Q có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thẩm quyền:* Bị đơn Phương Trần Q có hộ khẩu thường trú và trước khi bị bắt tạm giam thì cư trú tại: Xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh C. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

[2]. *Về tố tụng:* Bị đơn Phương Trần Q có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy đã có lời khai trong hồ sơ và việc vắng mặt của bị đơn không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. *Về quan hệ tranh chấp:* Chị Mông Thị H yêu cầu được ly hôn anh Phương Trần Q, được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đây là quan hệ ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Mông Thị H và anh Phương Trần Q sau thời gian tìm hiểu thì tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào năm 2009. Sau đó tiến hành đăng ký kết hôn ngày 23/7/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh C. Việc đăng ký là tự nguyện, đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Như vậy, việc kết hôn giữa chị H và anh Q là hợp pháp và quan hệ vợ chồng được công nhận từ ngày đi đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có với nhau 01 đứa con chung. Tuy nhiên, sau đó giữa hai vợ chồng bất đồng quan điểm xảy ra mâu thuẫn nên cuộc sống không được hòa thuận, hạnh phúc; anh Q có mối quan hệ không rõ ràng với một người phụ nữ khác, sau đó vi phạm pháp luật phạm tội mua bán trái phép chất ma túy, hiện nay đang trong thời gian chấp hành án tại Đội A, phân trại số A1, Trại giam A2 – Cục A3 – Bộ Công an. Mặt khác, tại bản tự khai ngày 01/02/2023 và ngày 07/6/2023, anh Q cũng nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị H. Từ những phân tích, nhận định trên đây, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ nên cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia và đình năm 2014.

[5]. *Về con chung:* Giữa chị H và anh Q có 01 con chung tên Phương Trần BA, sinh ngày 12/12/2010, hiện nay con đang ở cùng với chị H. Sau khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay anh Q đang trong thời gian chấp hành án phạt tù và cũng nhất trí để chị H nuôi con chung, nên cần giao 01 con chung cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh Q.

[6]. *Về tài sản chung:* Không yêu cầu giải quyết.

[7]. *Về án phí:* Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm Hôn nhân gia đình để sung quỹ Nhà nước.

[8]. Về quyền kháng cáo: Chị H và anh Q có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên,***

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

*1. Về hôn nhân:* Chị Mông Thị H được ly hôn anh Phương Trần Q.

*2. Về nuôi con chung:* Giao cháu Phương Trần BA, sinh ngày 12/12/2010 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có Bản án, quyết định khác của Tòa án thay thế và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh Q.

Sau khi ly hôn, anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

*3. Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*4. Về án phí:* Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước, xác nhận chị H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số: 0004249 ngày 23/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh.

*5. Về quyền kháng cáo:* Chị H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Q vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ./.

***Nơi nhận:***
- Tòa dân sự TAND tỉnh Cao Bằng;
Phòng kiểm tra nghiệp vụ tỉnh;
- VKSND huyện TK;
- UBND xã Đ,
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện TK;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**La Văn Viên**